

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày 14-8-2023

“Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Siu Thun Phrô;

2. Ông Chu Xuân Toàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy-Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số 11/TB-TA ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; có mặt,

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện C, tỉnh G

2. *Bị đơn:* Anh Cao H, sinh năm 1972; vắng mặt,

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện C, tỉnh G;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết xét xử vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, chị và anh H tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh G vào ngày 31/01/1996. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc cho đến năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Cuộc sống vợ chồng từ đây không còn hạnh phúc. Chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa, mâu thuẫn không thể

hàn gấn được. Chị và anh H đã sống ly thân được hơn 01 năm. Do đó, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao H.

- Về con chung: Anh chị có 03 người con chung là Cao Văn H, sinh năm 2001; Cao Xuân H, sinh năm 1999 và Cao Thị Mỹ H, sinh năm 1998.

Hiện các con chung đã thành niên trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 02/3/2023 bị đơn anh Cao H trình bày:*

- Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, anh chị tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh G vào ngày 31/01/1996. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc đến năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Cuộc sống vợ chồng từ đây không còn hạnh phúc. Anh cảm thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Anh chị đã sống ly thân được 01 năm. Anh không còn tình cảm yêu thương chị H nữa. Do đó, anh đề nghị quý Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H..

- Về con chung: Anh chị có 03 người con chung là Cao Văn H, sinh năm 2001; Cao Xuân H, sinh năm 1999 và Cao Thị Mỹ H, sinh năm 1998.

Hiện các con chung đã thành niên trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Ngày 27/12/2022, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn anh Cao H và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của chị H đúng quy định, anh Cao H có nơi cư trú tại thôn Lương Hà, xã IaBlur, huyện C, tỉnh G nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về sự vắng mặt của đương sự:** Tại phiên tòa, bị đơn là anh Cao H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] **Về nội dung vụ án:**

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện Chư Sê (nay là huyện C), tỉnh G vào

ngày 31/01/1996, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống đến năm 2020 giữa vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng. Chị H và anh H đã sống ly thân được hơn 01 năm mà không còn liên hệ về tình cảm với nhau nữa. Chị H và anh H thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được. Tại bản tự khai anh H đồng ý với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H, tuy nhiên tại các phiên hòa giải anh H đều vắng mặt không có lý do, Tòa án không tiến hành hòa giải để giải quyết được vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Cao H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Chị Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Cao H là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Anh chị có 03 người con chung là Cao Văn H, sinh năm 2001; Cao Xuân H, sinh năm 1999 và Cao Thị Mỹ H, sinh năm 1998.

Hiện các con chung đã thành niên trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về án phí sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Cao H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001235 ngày 29/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện C (02 bản);
- Chi cục THADS huyện C (01 bản);
- Toà án nhân dân tỉnh G (01 bản);
- UBND xã I (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nay Lu Vinh